

Bản án số 93/2022/HC-PT
Ngày 12/4/2022
Về “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Văn Tào, ông Trương Công Thi

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Minh Nhật - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 357/2021/TLPT-HC ngày 03/12/2021 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” do Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2021/HC-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1367/2022/QĐ-PT ngày 18/3/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1967 và bà Võ Thị Kim D, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: Thôn X (nay là thôn X1), xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà D ủy quyền cho ông L tham gia tố tụng, theo văn bản ủy quyền ngày 24/9/2020, ông L có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện là Luật sư Lê Thị Thúy K - Công ty Luật TNHH MTV K1 - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh (địa chỉ: 300 đường L, quận H, TP Đà Nẵng), Luật sư Kiều có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND tỉnh Quảng Ngãi là ông Lê Chí P (Phó giám đốc Sở Tư pháp) có mặt.

2.1. Ủy ban nhân dân huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi, vắng;

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho UBND và Chủ tịch UBND huyện B1 là ông Phan Đình H1 (Trưởng phòng Tư pháp huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi), ông Hiệp có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

3.2. Bà Lê Thị S, sinh năm 1941; địa chỉ: Thôn X, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi. *Người đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 13/11/2020 của bà S là ông Nguyễn Văn L (ông L đồng thời là người khởi kiện trong vụ án).*

3.3. Bà Nguyễn Thị D1; địa chỉ: Thôn X, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi, ủy quyền cho ông L.

3.4. Ngân hàng Thương mại cổ phần V; địa chỉ hội sở: số 34A-B đường H1, phường P, quận H2, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Đoàn O (Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần V - Chi nhánh Quảng Ngãi; địa chỉ: 27 đường P1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

3.5. Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: 234 đường V1, thành phố Q, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2020 (Đơn bổ sung ngày 26/10/2020) và trong quá trình tố tụng, người khởi kiện là vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Võ Thị Kim D trình bày:

Thửa đất số 1368, diện tích 1.270m² (gồm 900m² đất ONT, 370m² đất HNK) tờ bản đồ số 13, xã B có nguồn gốc đất của ông bà để lại cho mẹ ông Nguyễn Văn L là cụ Lê Thị S; cụ S được Ủy ban nhân dân huyện B1 cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số vào sổ cấp QSD: H 00219 ngày 04/12/2008. Ngày 11/12/2008 cụ S ký *Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất*, cho vợ chồng ông L thửa đất 1368. Thực hiện Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, ngày 06/10/2017 Ủy ban nhân dân huyện B1 ban hành Quyết định thu hồi đất số 1426/QĐ-UBND, thu hồi 107m² đất thuộc thửa đất 1368, tờ bản đồ số 2 (Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi thẩm định ngày 03/7/2017). Tại Quyết định số 3202/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện B1 về *Bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ* ghi thu hồi đất nông nghiệp, vị trí 1, thửa đất số 1368, tờ bản đồ số 2, hỗ trợ 50% (đất vườn, đất ở), giá đất: 30.000 đồng/m²; hỗ trợ đất: 50% 500 đồng x 1.0 = 250.000 đồng/m²; Tiền hỗ trợ đất: 107m² x 280.000 = 29.960.000 đồng; tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ 89.589.129 đồng.

Cho rằng tại Quyết định số 1426, Ủy ban nhân dân huyện B1 xác định 107m² đất thu hồi của vợ chồng ông L là đất nông nghiệp (HNK) là không đúng, lẽ ra phải là đất ở nên vợ chồng ông L khiếu nại. Tại Quyết định 547/QĐ-UBND ngày 18/06/2018, Ủy ban nhân dân huyện B1 điều chỉnh đất thu hồi của vợ chồng ông L là đất ở (ONT) nên tại Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 2304/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 của Ủy ban nhân dân huyện B1 ghi Giá trị bồi thường đất đai được điều chỉnh (I): Đất ở (vị trí 8, KỶ1) thửa 1368, tờ bản đồ số 3: 107 x 100%500 x 1.0 = 53.500.000 đồng; Giá đất: 30.000 đồng/m²; Hỗ trợ đất: 100% x 500 đồng x 1.0/ m² = 500.000 đồng/m². Trong khi đó, diện tích 107m² đất thuộc thửa đất 1368 của ông L bị thu hồi là đất thổ cư lưu hạ (T), sát vách trường Trung học cơ sở và Trường Tiểu học cơ sở xã B, gần ngã ba, gần Chợ, Ủy ban nhân dân xã, cùng vị trí đất với thửa đất 1485 của hộ ông Nguyễn Tấn M. Năm 2016, Tòa án và Ủy ban nhân dân huyện B1 phối hợp Trung tâm đầu giá tài sản thuộc Sở Tư pháp Tỉnh,

Công ty TNHH CP Trung tâm thẩm định giá Miền Trung thu hồi, phát mãi, hộ ông Nguyễn Tấn M ưu tiên mua lại với giá 3.326.000 đồng/m² năm 2016 (Căn cứ: Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 60/HĐMBTSBĐG ngày 27/04/2016 giữa Nguyễn Tấn M với Chi cục Thi hành án dân sự huyện B1 (Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản trực thuộc Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi). Vị trí đất của ông L gần trung tâm xã hơn vị trí đất ông M, nên giá đất sẽ bằng hoặc cao hơn giá 3.326.000 đồng/m² (vị trí 8, KV1) = 107 m² x 3.326.000 đồng = 355.882.000 đồng. Hiện nay năm 2020, biến động về giá đất thực tế thị trường đối với thửa đất của ông L phải có giá trị đất cao hơn giá thửa đất của ông M năm 2016. Ông L cho rằng giá thửa đất 1368 năm 2020 có giá 10.000.000 đồng/m², thành tiền: 107m² x 10.000.000 đồng = 1.070.000.000 đồng. Trong dự án xây dựng mở rộng Quốc lộ 1A, ông L yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện B1 phải đền bù giá đất và hỗ trợ thiệt hại của ông hợp lý và thực tế như trên. Theo thông tin ông L được biết, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi từ 10 năm qua (năm 2009 - năm 2019), các quyết định điều chỉnh trên 10 năm, nhưng hệ số giá đất vẫn không đổi, không điều chỉnh giá đất phù hợp giá đất biến động thực tế là trái pháp luật, cụ thể: Quyết định 61/QĐ-UBND ngày 25/12/2009, Quyết định 36/QĐ-UBND ngày 27/10/2010; Quyết định 34/QĐ-UBND ngày 30/12/2011; Quyết định 49/QĐ-UBND ngày 27/12/2012; Quyết định 56/QĐ-UBND ngày 23/12/2013; Quyết định 67/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 ban hành giá đất 05 năm (2014-2019) đều của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên giá đất 500.000đồng/m² đoạn phía nam Cầu Cháy giáp xã Tịnh Phong. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành giá đất từ 2015 đến nay vẫn không đổi (500.000 đồng/m²) đã vi phạm quy định pháp luật Nhà nước, không phù hợp với tình hình thực tế. Diện tích đất thu hồi của gia đình ông L tại thửa 1368 vị trí đất mặt tiền Quốc lộ 1A, phải là vị trí 1 trên đường lưu thông huyết mạch của đất nước; đường AH1 là lộ quốc tế, loại đất thổ cư, nhưng trong Quyết định số 3202 và Quyết định số 2304 xác định là vị trí 8 (vị trí lộ tế nông thôn), khu vực 1, do đó cả hai quyết định bồi thường trên đều định giá đất 500.000 đồng/m² là không đúng

Trường hợp diện tích 107m² đất ở của ông L thuộc diện được hỗ trợ tái định cư 01 lô đất theo tinh thần nội dung Quyết định số 48/QĐ-UBND) của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, nhưng Ủy ban huyện B1 lại thực hiện Quyết định 73/QĐ-UBND không thực hiện tái định cư cho gia đình ông L. Theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 31 Quyết định 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thì trường hợp diện tích 107m² đất thu hồi của ông L được hưởng tái định cư 01 lô bằng suất tái định cư tối thiểu tại địa phương (trong phân lô). Thời hạn chưa đủ 180 ngày, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành tiếp Quyết định 73/2017/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 và áp dụng Quyết định này, nên không thực hiện tái định cư cho ông L là không đúng. Bởi việc sửa đổi Điều 31 của Quyết định 48/2017/QĐ-UBND thành Quyết định 73/2017/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 trong thời gian 78 ngày là không đúng theo quy định của pháp luật. Yêu cầu Tòa án xem xét kiến nghị đối với Quyết định 73/2017/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Nay, ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét:

- Quyết định 5316/QĐ-UB ngày 14/11/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ký Dự án ngập lụt Đông Hà Quảng Ngãi (áp dụng cho 2 xã Bình Nguyên và B) (Trong Dự án WB2 năm 2000). Quyết định 1077/QĐ-UBND ngày 06/6/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ký Dự án Tín dụng ngành GTVT cải tạo mạng lưới đường quốc gia 20 cầu yếu (trong đó có đoạn Cầu Cháy năm 2011).

- Quyết định số 1426; Quyết định số 3202; Quyết định số 2304 trong Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1A năm 2017, Ủy ban nhân dân huyện B1 phải thực hiện hỗ trợ, bồi thường thiệt hại do cưỡng chế thu hồi đất gây ra: *Tổng diện tích thu hồi trong 3 Dự án: $24,3m^2 + 24,3m^2 + 107m^2 = 155,6m^2$; Bồi thường diện tích $48,6m^2$ đất thuộc Thửa số 1122 bị thu hồi trong 02 Dự án: Dự án WB2 năm 2000 và Dự án sửa chữa cầu Cháy năm 2011. Bồi thường diện tích: $107m^2$ đất bị thu hồi tại Thửa 1368 trong Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1A.*

- Hỗ trợ cho gia đình ông L 01 lô đất tái định cư theo tinh thần nội dung Quyết định 48/2017/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ngày 18/8/2017; bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông L đúng giá đất theo quy định của pháp luật, phù hợp thực tế thị trường trên mức giá năm 2016: 3.326.000 đồng/m², tại thời điểm hiện tại 2020 (đối với tổng diện tích 155 m² đất bị thu hồi của vợ chồng ông L trong 03 Dự án của tỉnh Quảng Ngãi).

Ông L, bà D khiếu nại (lần 1) đến Ủy ban nhân dân huyện B1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân B1 ban hành Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 bác toàn bộ yêu cầu của ông. Ông L tiếp tục khiếu nại (lần 2) đến Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành quyết định 40/QĐ-UBND ngày 09/01/2020 không công nhận toàn bộ nội dung yêu cầu của ông L. Khi chưa thực hiện bồi thường, hỗ trợ cả 3 Dự án, trong thời gian ông L đang khiếu nại vụ việc lên Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thì Ủy ban nhân dân huyện B1 ban hành quyết định cưỡng chế số 87/QĐ-UBND ngày 14/01/2019, là không đúng luật pháp, sai phạm về Luật khiếu nại nên đề nghị Tòa hủy các quyết định sau: Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 09/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của hộ ông Nguyễn Văn L; Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 09/08/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B1 về việc giải quyết khiếu nại (lần 1) của hộ ông Nguyễn Văn L; Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện B1 về việc thu hồi đất đang sử dụng của hộ ông Nguyễn Văn L; Quyết định số 3202/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện B1 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn L (vợ Võ Thị Kim D); Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 của Ủy ban nhân dân huyện B1 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn L (vợ Võ Thị Kim D); Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B1 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Nguyễn Văn L và bà Võ Thị Kim D; Quyết định số 5316/QĐ-UB ngày 14/11/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt kinh phí đền bù, hỗ trợ cho các hộ BAH bởi Dự án cải tạo nâng cấp QL1 các đoạn ngập lụt nghiêm trọng Đông Hà - Quảng Ngãi, Dự án WB2 thuộc xã Bình Nguyên và B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 1077/QĐ-UBND ngày 06/6/2011 của

Ủy ban nhân dân huyện B1 về bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị D1, xã B, huyện B1.

Tại phiên tòa sơ thẩm.

Người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu hủy các Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện B1, Quyết định số 5316/QĐ-UB ngày 14/11/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Quyết định số 1077/QĐ-UBND ngày 06/6/2011 của Ủy ban nhân dân huyện B1.

Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án hủy các Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 09/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 09/08/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B1, Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 của Ủy ban huyện B1, Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 Ủy ban nhân dân huyện B1; yêu cầu cấp 01 lô đất tái định cư.

- *Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện B1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B1, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi trình bày:*

Ông Nguyễn Văn L và bà Võ Thị Kim D đang sử dụng thửa đất số 1368, tờ bản đồ số 02 (bản đồ địa chính được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi thẩm định ngày 03/8/2017), xã B, diện tích 1.303m², diện tích thu hồi 107m², loại đất ở (ONT), diện tích còn lại 1.196m², thửa đất được Ủy ban nhân dân huyện B1 cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số vào sổ H 00219. Nguồn gốc thửa đất do ông, bà lưu hạ lại cho vợ chồng cụ Nguyễn Tới, cụ Lê Thị S trước năm 1975, năm 2009 cụ S tặng cho toàn bộ thửa đất cho vợ chồng ông L. Thực hiện Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, Ủy ban nhân dân huyện ban hành ban hành Quyết định thu hồi đất số 1426/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 (sau ban hành Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 điều chỉnh Quyết định số 1426/QĐ-UBND từ đất trồng cây hàng năm khác (HNK) sang Đất ở tại nông thôn (ONT), diện tích 107m² và bồi thường chi tiết cho hộ dân tại Quyết định số 3202/QĐ-UBND ngày 18/10/2017; Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 với tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ là 113.138.129 đồng.

Đối với việc ông L khiếu nại cho rằng giá đất bồi thường 500.000 đồng/m² là quá thấp là không có căn cứ vì vị trí đất thu hồi của hộ ông L thuộc vị trí 8, khu vực 1 có giá 500.000 đồng/m² (theo quy định tại điểm b Mục 2 Bảng giá số 1 ban hành kèm theo Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi). Đối với khiếu nại của ông L cho rằng thu hồi của ông L 107m² nhưng không cấp đất tái định cư là không đúng thì khoản 2 Điều 29 Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi: “*Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam khi Nhà nước thu hồi đất ở mà phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi bao gồm cả các loại đất khác trong cùng thửa đất ở đủ điều kiện chuyển mục đích sang đất ở dưới 40m² đối với khu vực đô thị và 100m² đối với khu vực nông thôn mà không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất*

ở thu hồi” và điểm b khoản 2 Điều 1 Quyết định số 73/2017/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 sửa đổi Điều 31 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định: “Trường hợp có nhà ở nhưng không phải di chuyển chỗ ở và chỉ thu hồi đất ở thì được xem xét giao đất tái định cư bằng 50% diện tích đất ở bị thu hồi. Khi diện tích đất tái định cư tính để giao theo tỷ lệ nhỏ hơn 100m² thì không được giao thêm đất tái định cư”. Sau khi thu hồi đất để thực hiện Dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua huyện B1, diện tích đất của hộ ông L còn lại là 1.163 m² (trong đó 793 m² đất ở và 370 m² đất trồng cây hàng năm khác); hộ ông L có nhà ở nhưng không phải di chuyển chỗ ở; do vậy, hộ ông L không thuộc trường hợp được cấp đất tái định cư.

Ông L khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B1 ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 số 2143/QĐ-UBND; ông L tiếp tục khiếu nại, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 và sau đó Chủ tịch UBND huyện B1 ban hành Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 cưỡng chế thu hồi đất đối với vợ chồng ông L là đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 71 Luật đất đai năm 2013 và đúng pháp luật; do đó, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ủy ban nhân dân xã B: thống nhất với ý kiến trình bày về nguồn gốc thửa đất, quá trình thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đối với ông Nguyễn Văn L, bà Võ Thị Kin Dung đang quản lý, sử dụng mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B1 đã trình bày, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V trình bày: ông L và bà D có vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần V-Phòng giao dịch B1 theo Hợp đồng tín dụng số 781/2011/HĐNH ngày 23/4/2011, số tiền vay 25.000.000 đồng, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1368, tờ bản đồ số 13, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 353457, số vào sổ cấp GCN: H 00219 do Ủy ban nhân dân huyện B1 cấp ngày 04/12/2008 theo Hợp đồng thế chấp số 939/2010/TCBĐS ngày 21/7/2010 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã B ngày 23/7/2010. Ngày 27/10/2011 ông L, bà D đã thanh toán toàn bộ nợ gốc + lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng trên, ông bà đã không còn nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và Ngân hàng đã tiến hành xuất trả tài sản cho ông bà. Hiện nay, Ngân hàng đã xóa thế chấp quyền sử dụng đất nói trên của ông L nên không có ý kiến gì.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2021/HC-ST ngày 29/9/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 157, Điều 158, Điều 173, khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; các Điều 62, 66, 68, 71, 74, 79, 83, điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 4, khoản 1 Điều 15, Điều 16 và khoản 1, khoản 3 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; khoản 1 Điều 18, các Điều 7, 28, 29, 30, 31, 37, 38, 39 và Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 5, các Điều

7, 10, 12, 18, 21 và Điều 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Điều 1 Thông tư số 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/201 TTCT ngày 31/10/2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, bà Võ Thị Kim D về việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi về việc thu hồi đất đang sử dụng của hộ ông Nguyễn Văn L;

- Hủy Quyết định số 5316/QĐ-UB ngày 14/11/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt kinh phí đền bù, hỗ trợ cho các hộ bị ảnh hưởng bởi Dự án cải tạo nâng cấp QL1 các đoạn ngập lụt nghiêm trọng Đông Hà - Quảng Ngãi, Dự án WB2 thuộc xã Bình Nguyên và B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hủy Quyết định số 1077/QĐ-UBND ngày 06/6/2011 của Ủy ban nhân dân huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi về bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị D1, xã B, huyện B1.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, bà Võ Thị Kim D về việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 09/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của hộ ông Nguyễn Văn L (địa chỉ: thôn X, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi).

- Hủy Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn L, ở thôn X, xã B, huyện B1.

- Hủy một phần Quyết định số 3202/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn L (vợ Võ Thị Kim D), xã B, huyện B1, về phần bồi thường về đất 29.960.000 đồng.

- Hủy Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 của Ủy ban nhân dân huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn L (vợ Võ Thị Kim D), xã B, huyện B1.

- Hủy Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Nguyễn Văn L và bà Võ Thị Kim D ở xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi.

- Yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi bồi thường với diện tích 48,6m² đất bởi 02 dự án: Dự án năm 2000, năm 2011; yêu cầu bồi thường về giá đất cho tổng diện tích 155,6m² đất theo giá đất 3.326.000 đồng/m²; và yêu cầu cấp 01 lô đất tái định cư.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L, bà Võ Thị Kim D phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006359 ngày 06/11/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

- Ngày 05/11/2021, ông Nguyễn Văn L kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Người khởi kiện (ông L) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Người bị kiện đề nghị Tòa án bác kháng cáo của ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính;

+ Về nội dung vụ án: Tòa án cấp phúc thẩm đã giải quyết đúng nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thừa đất số 1368, diện tích 1.270m² (gồm 900m² đất ONT, 370m² đất HNK) tờ bản đồ số 13, xã B có nguồn gốc đất của ông bà lưu hạ để lại cho mẹ ông Nguyễn Văn L là cụ Lê Thị S. Cụ S được Ủy ban nhân dân huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* (số vào sổ cấp GCN: H 00219) ngày 04/12/2008. Ngày 11/12/2008 cụ S lập *Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất*, cho vợ chồng ông L, bà D thừa đất số 1368 và vợ chồng ông L được chỉnh lý, sang tên thừa đất ngày 17/4/2009. Thực hiện Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, ngày 06/10/2017 Ủy ban nhân dân huyện B1 ban hành Quyết định số 1426/QĐ-UBND (điều chỉnh tại Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 18/6/2018) thu hồi của hộ gia đình ông Nguyễn Văn L 107m² đất ở (ONT) thuộc thửa 1368, tờ bản đồ số 2 (Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi thẩm định ngày 03/7/2017), diện tích đất còn lại của thửa 1368 không bị thu hồi là 1.196m².

[2] Tại Quyết định thu hồi đất số 1426/QĐ-UBND ngày 06/10/2017, Ủy ban nhân dân huyện B1 xác định 107m² đất thu hồi của hộ gia đình ông L là đất trồng cây hàng năm khác (HNK) nên tại Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 3202/QĐ-UBND ngày 18/10/2017, Ủy ban nhân dân huyện B1 bồi thường về đất (đợt 6) cho hộ ông L số tiền 29.960.000 đồng. Tại Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 18/6/2018, Ủy ban nhân dân huyện B1 điều chỉnh từ thu hồi 107m² đất trồng cây hàng năm khác (HNK) sang thu hồi 107m² đất ở (ONT) nên tại Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 2304/QĐ-UBND ngày 21/6/2018, Ủy ban nhân dân huyện B1 điều chỉnh tăng thêm số tiền bồi thường về đất (đợt 14) là 23.540.000 đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật đất đai năm 2013 thì giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi. Ủy ban nhân dân huyện B1 căn cứ điểm b Mục 2 Bảng giá số 1 ban hành kèm theo Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi để áp dụng đơn giá đất ở thu hồi 500.000 đồng/m² đối với thửa đất số 1368 thuộc vị trí 8, khu vực 1 của vợ chồng ông L là đúng pháp luật.

[3] Vợ chồng ông L cho rằng năm 2016, Chi cục Thi hành án dân sự huyện B1 phối hợp với Trung tâm đấu giá tài sản thuộc Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi thi hành bản án của Tòa án đã phát mãi một khu đất có vị trí gần diện tích đất 107m² thu hồi của vợ chồng ông L, vị trí đất này không gần trung tâm bằng vị trí đất thu hồi của ông L, nhưng ông Nguyễn Tấn M trúng mua đấu giá với giá 3.326.000 đồng/m² nên cho rằng UBND huyện B1 áp giá thu hồi, đền bù cho ông L giá 500.000đ/m² là quá thấp. Xét, đất ông M là đất trúng mua đấu giá theo Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 60/HĐMBTSBĐG ngày 04/5/2016 mà theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 7/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản thì *“Người mua được tài sản bán đấu giá là người trả giá cao nhất so với giá khởi điểm”*, do đó, việc ông L so sánh giá đất được Nhà nước đền bù khi thu hồi đất với giá đất ông M trúng mua đấu giá là không có cơ sở để được xem xét.

[4] Đối với trình bày của ông L cho rằng khi thực hiện Dự án WB2 năm 2000 và Dự án cầu Cháy năm 2011 Ủy ban nhân dân huyện B1 có thu hồi của hộ ông L 48,6m² đất nhưng chưa đền bù thì thấy: Vấn đề này ông L trước đây có khiếu nại, nhưng Ủy ban nhân dân huyện B1 đã không thụ lý giải quyết vì đã hết thời hiệu khiếu nại là đúng pháp luật; do đó, Tòa án không thể xem xét vấn đề này; hơn nữa, ông L cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh Ủy ban nhân dân huyện B1 thu hồi 48,6m² đất của ông L khi thực hiện 02 Dự án mà chưa bồi thường.

[5] Đối với yêu cầu của ông L yêu cầu được cấp 01 lô đất tái định cư thì thấy: Khoản 1 Điều 79 Luật đất đai năm 2013 quy định khi Nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường như sau: *“a) Trường hợp không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở; trường hợp không có nhu cầu bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở thì Nhà nước bồi thường bằng tiền; b) Trường hợp còn đất ở, nhà ở trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng tiền. Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất ở thì được xem xét để bồi thường bằng đất ở”*; Điều c khoản 2 Điều 83 Luật đất đai năm 2013 về hỗ trợ của Nhà nước khi thu hồi đất: *“Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở”*. Tại khoản 2 Điều 29 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, ban hành kèm theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, về các trường hợp được tái định cư: *“Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam khi Nhà nước thu hồi đất ở mà phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi bao gồm cả các loại đất khác trong cùng thửa đất ở đủ điều kiện chuyển mục đích sang đất ở dưới 40m² đối với khu vực đô thị và 100m² đối với khu vực nông thôn mà không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi”*. Đối chiếu các quy định nêu trên thì trường hợp hộ ông L bị thu hồi 107m² đất ở thuộc thửa 1368, nhưng diện tích đất còn lại là 1.196m² (trong đó 793m² đất ở và 370m² đất trồng cây hàng năm khác), hộ ông L vẫn có nhà ở trên đất, không phải di chuyển chỗ ở nên vợ chồng ông L không thuộc trường hợp được cấp đất tái định

cư; do đó, UBND huyện B1 không cấp đất tái định cư cho hộ ông L khi thu hồi 107m² đất của hộ ông L là có cơ sở, đúng pháp luật.

[6] Từ phân tích tại các mục nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông L cho rằng Ủy ban nhân dân huyện B1 áp đơn giá đền bù đất thấp, không cấp tái định cư cho ông L là sai nên yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định thu hồi đất, hỗ trợ đền bù khi thu hồi đất của UBND huyện B1 là không có cơ sở để được chấp nhận. Cũng vì thế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B1 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 và giải quyết khiếu nại lần 2 đều không chấp nhận khiếu nại của ông L là đúng quy định của pháp luật. Do ông L không bàn giao đất nên UBND huyện B1 ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất là đúng pháp luật. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông L là có căn cứ, đúng pháp luật nên cấp phúc thẩm bác kháng cáo của vợ chồng ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Vợ chồng ông L kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

A/ Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 và Điều 349 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015 bác kháng cáo vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Võ Thị Kim D, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2021/HC-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 157, Điều 158, Điều 173, khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; các Điều 62, 66, 68, 71, 74, 79, 83, điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 4, khoản 1 Điều 15, Điều 16 và khoản 1, khoản 3 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; khoản 1 Điều 18, các Điều 7, 28, 29, 30, 31, 37, 38, 39 và Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 5, các Điều 7, 10, 12, 18, 21 và Điều 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Điều 1 Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013 TTCP ngày 31/10/2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, bà Võ Thị Kim D đối với các yêu cầu {yêu cầu hủy Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi về việc thu hồi đất đang sử dụng của hộ ông Nguyễn Văn L; yêu cầu hủy Quyết định số 5316/QĐ-UB ngày 14/11/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt kinh phí đền bù, hỗ trợ cho các hộ bị ảnh hưởng bởi Dự án cải tạo nâng cấp QL1 các đoạn ngập lụt nghiêm trọng Đông Hà - Quảng Ngãi, Dự án WB2 thuộc xã Bình Nguyên và B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi; yêu cầu hủy Quyết định số 1077/QĐ-UBND ngày 06/6/2011 của Ủy ban nhân dân huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi về bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị D1, xã B, huyện B1 }.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, bà Võ Thị Kim D đối với các yêu cầu {Hủy Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 09/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của hộ ông Nguyễn Văn L (địa chỉ: thôn X, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi); Hủy Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn L, ở thôn X, xã B, huyện B1; Hủy một phần Quyết định số 3202/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn L (vợ Võ Thị Kim D), xã B, huyện B1, về phần bồi thường về đất 29.960.000 đồng; Hủy Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 của Ủy ban nhân dân huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn L (vợ Võ Thị Kim D), xã B, huyện B1; Hủy Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Nguyễn Văn L và bà Võ Thị Kim D ở xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi; Yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi bồi thường với diện tích 48,6m² đất bởi 02 dự án: Dự án năm 2000, năm 2011; yêu cầu bồi thường về giá đất cho tổng diện tích 155,6m² đất theo giá đất 3.326.000 đồng/m² và yêu cầu cấp 01 lô đất tái định cư}

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L, bà Võ Thị Kim D phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006359 ngày 06/11/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

B/ Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn L và bà Võ Thị Kim D phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0000672 ngày 19/11/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi thì ông L, bà D đã thi hành xong khoản tiền này.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra III-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân